

**ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC***TO ENSURE OF EDUCATION QUALITY IN PRIVATE UNIVERSITIES*

VÕ VĂN TUẤN

Trường Đại học Văn Lang, *vovantuan@vanlanguni.edu.vn*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 21/02/2019            Ngày nhận lại: 25/02/2019            Duyệt đăng: 11/3/2019            Mã số: TCKH-S01T03-B11-2019            ISSN: 2354 – 0788</p> <p><b>Từ khóa:</b>  <i>chất lượng đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo, đại học tư thực.</i></p> <p><b>Key words:</b>  <i>Training quality, training quality assurance, private universities.</i></p>	<p><i>Chất lượng đào tạo là giá trị, thương hiệu của trường đại học. Bài viết phân tích những nét đặc trưng khác biệt giữa chất lượng đào tạo của trường đại học tư thực và đại học công lập. Đồng thời, bài viết phân tích những mô hình đảm bảo chất lượng để các trường đại học tư thực xem xét, lựa chọn mô hình phù hợp.</i></p> <p><b>ABSTRACTS</b>  <i>Training quality is the value and brand of a university. The article analyzes different characteristics between the private universities and public universities. At the same time, the article also analyzes the quality assurance models for private universities to consider and select the appropriate model.</i></p>

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Các trường đại học tư thực của Việt Nam giữ một vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học. Các trường đại học tư thực đã góp phần thỏa mãn nhu cầu học tập của xã hội, có đóng góp đáng kể trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho đất nước. Sự phát triển của các quốc gia hiện nay phụ thuộc phần lớn vào nguồn nhân lực là sản phẩm của giáo dục. Giáo dục đại học đóng vai trò trực tiếp tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa đất nước. Do đó, việc nâng cao chất lượng đào tạo luôn được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất của các trường đại học. Chính vì vậy, vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường đại học tư thực là một vấn đề mang tính cấp thiết, chiến lược đối với sự tồn tại, phát triển của các trường đại học tư thực.

**2. NỘI DUNG****2.1. Khái niệm đại học tư thực**

Theo Luật Giáo dục đại học (2012), cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được tổ chức theo các loại hình: 1) Cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc sở hữu Nhà nước, do Nhà nước đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; 2) Cơ sở giáo dục đại học tư thực thuộc sở hữu của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân, do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất (Luật Giáo dục đại học, 2012).

Loại hình trường đại học tư thực phổ biến ở một số nước như: Nhật Bản, Malaysia, Mexico, Pakistan, Hàn Quốc, Mỹ... Một số trường đại học tư thực tiêu biểu hàng đầu trên thế giới như: Massachusetts Institute of

Technology (MIT), Stanford University, Harvard University....

Ở Việt Nam, khái niệm trường đại học tư thực gần đây mới được khẳng định. Trước đây, nó cùng với trường đại học dân lập được coi là loại hình trường đại học ngoài công lập. Sau đó, loại hình dân lập bị xóa bỏ chỉ còn một loại hình ngoài công lập duy nhất là trường đại học tư thực. Trường đại học tư thực là trường đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Công tác tuyển sinh, đào tạo tuân theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, văn bằng có giá trị tương đương như văn bằng của đại học công lập. Khác với trường đại học công lập, trường đại học tư thực không nhận được sự hỗ trợ về vốn của Nhà nước. Nguồn tài chính để hoạt động của họ là từ học phí của sinh viên học tại trường, khách hàng và các khoản hiến tặng.

## **2.2. Chất lượng đào tạo của trường đại học tư thực**

Xuất phát từ định nghĩa “chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu” ở trên, có thể hiểu chất lượng đào tạo của trường đại học tư thực là sự phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường đại học tư thực.

Một cách tổng quát, mục tiêu của trường đại học tư thực là đào tạo đội ngũ nhân lực có trình độ đại học cho nền kinh tế xã hội. Mục tiêu đó được thể hiện cụ thể ở những yêu cầu mà sinh viên cần đạt được khi tốt nghiệp, đó là: những người lao động có năng lực trong cuộc sống và trong nghề nghiệp. Trong đó, trước hết là năng lực nghề nghiệp với kiến thức (hiểu biết khoa học chung và chuyên biệt về nghề, có tư duy khoa học nghề và kiến thức về phát triển nghề nghiệp), kỹ năng (kỹ năng nghề có cơ sở khoa học và các kỹ năng mềm, kỹ năng tự học, kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội) và thái độ (nhu cầu, hứng thú, thế giới quan và lý tưởng) tích cực với cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

Mục tiêu tổng thể đó phải được cụ thể hóa phù hợp với những đặc thù trường đại học tư

thực và những điều kiện cụ thể của mỗi trường. Trong đó, quan trọng nhất, phải xác định mục tiêu trên cơ sở quan niệm *Chất lượng là sự thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng (bên trong và bên ngoài)*.

Một trường đại học tư thực có chất lượng cao chính là nơi đào tạo ra được một đội ngũ lao động có năng lực nghề nghiệp ở trình độ cao thể hiện ở hệ thống kiến thức và kỹ năng nghề thuần thực và có cơ sở khoa học, có thái độ nghề nghiệp tích cực đáp ứng được yêu cầu của bản thân người học, của gia đình và nhà tuyển dụng và sử dụng lao động.

Người học là trung tâm và sản phẩm của quá trình đào tạo của trường đại học. Chất lượng người học là sản phẩm của quá trình đào tạo có chất lượng của trường đại học tư thực. chất lượng đào tạo của các trường đại học tư thực là kết quả tổng hợp của một hệ thống các yếu tố: chất lượng của chương trình đào tạo; chất lượng của hội đồng đào tạo; chất lượng của đội ngũ giảng viên, nhân viên và cán bộ quản lý; chất lượng nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và quan hệ, hợp tác quốc tế; chất lượng của tổ chức, quản lý nhà trường nói chung và quản lý đào tạo nói riêng; chất lượng của cấu trúc hạ tầng và trang thiết bị hỗ trợ sinh viên; nguồn tài chính; khả năng đáp ứng yêu cầu của sinh viên, phụ huynh và các nhà tuyển dụng và sử dụng.

Khác với các trường đại học công lập, một trong những tiêu chuẩn quan trọng về chất lượng của trường đại học tư thực là “chất lượng là đánh giá tiền đầu tư”. Một trường đại học tư thực có chất lượng không chỉ tạo ra sản phẩm đạt mục tiêu mà phải có chi phí ít nhất. Nói cách khác, hiệu quả kinh tế là một biểu hiện chất lượng của trường đại học tư thực. Để làm được điều này, việc quản trị trường đại học tư thực phải có sự phối hợp chặt chẽ và cân bằng giữa quản lý đào tạo và quản lý tài chính, trong đó, ưu tiên trước hết cho hoạt động đào tạo.

Sứ mạng của các trường đại học tư thục là tham gia đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế xã hội. Đó là đội ngũ người lao động có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên. Chất lượng đào tạo của các trường đại học tư thục được phản ánh một cách trung thực và sinh động qua mức độ đáp ứng của đội ngũ sinh viên khi ra trường với yêu cầu của bản thân, gia đình họ và quan trọng nhất là yêu cầu của các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động có tay nghề cao thuộc các lĩnh vực khác nhau.

Khác với chất lượng được cố định trong các sản phẩm hay dịch vụ thông thường, chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng đào tạo của trường đại học tư thục luôn ở trạng thái “động”. Nó tồn tại và phát triển không ngừng trong những sản phẩm giáo dục - những người lao động - những nhân cách sống động và luôn phát triển để đáp ứng được đòi hỏi càng ngày càng cao của nền sản xuất và đời sống xã hội. Do đó, chất lượng đào tạo của các trường đại học tư thục là một khái niệm động, luôn phát triển để đáp ứng yêu cầu về năng lực thường xuyên thay đổi đối với sản phẩm đào tạo theo sự phát triển của đối tượng đào tạo, của nghề nghiệp, của sự chuyển đổi vai trò của người lao động trong nghề nghiệp và trong xã hội, của xu thế xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế... của nền kinh tế - xã hội đất nước.

Vì vậy, các trường đại học tư thục trước hết phải quan tâm quan tâm đến “*chất lượng trước mắt*” của sản phẩm đào tạo, đồng thời, phải quan tâm đến cả “*chất lượng lâu dài*” của sản phẩm đào tạo. Điều này có nghĩa là, các trường đại học phải chuẩn bị để sản phẩm đào tạo của mình không chỉ có năng lực hoạt động nghề nghiệp với trình độ cao khi ra trường mà còn phải có khả năng “*tự phát triển và hoàn thiện*” bản thân, “*tự đổi mới, thậm chí làm ra*” tay nghề trong tương lai, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của hoạt động nghề nghiệp thường xuyên biến động và phát triển của xã hội hiện đại.

### 3. MÔ HÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Hiện nay, có nhiều mô hình đảm bảo chất lượng đang được áp dụng trong giáo dục đại học các nước trên thế giới cũng như khu vực. Trong đó, kiểm định chất lượng, đánh giá chất lượng và kiểm toán chất lượng là ba mô hình phổ biến nhất hiện nay.

#### 3.1. Kiểm định chất lượng

Kiểm định chất lượng là mô hình đảm bảo chất lượng xuất hiện đầu tiên, được áp dụng ở Hoa Kỳ cách đây hơn 100 năm và hiện được sử dụng rộng rãi nhất trong các hệ thống giáo dục đại học. Hội đồng kiểm định giáo dục đại học của Hoa Kỳ (CHEA) định nghĩa “kiểm định chất lượng là một quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, được giáo dục đại học tạo ra và sử dụng để đánh giá các trường cao đẳng, đại học và các chương trình đào tạo nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng”. Ở Hoa Kỳ, kiểm định chất lượng là một quá trình dựa trên sự tin tưởng, tiêu chuẩn, bằng chứng, đánh giá và đồng cấp (Nguyễn Thị Lan Phương, 2015).

Còn theo Vlăsceanu và các đồng nghiệp, kiểm định chất lượng là một quy trình mà một tổ chức công lập hoặc ngoài công lập hoặc tư nhân tiến hành đánh giá cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo để công nhận một cách chính thức cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt được những tiêu chuẩn hoặc tiêu chí tối thiểu đã đề ra. Kết quả của kiểm định là quyết định công nhận đạt hoặc không đạt (có hoặc không) và cấp giấy chứng nhận quy định rõ thời gian có hiệu lực (Vlăsceanu, L., Grünberg, L., và Pârlea, D., 2007).

Hoạt động kiểm định chất lượng thường được thực hiện theo một quy trình bao gồm ba bước: 1) tự đánh giá của cơ sở giáo dục; 2) đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài do tổ chức kiểm định lựa chọn, và (3) thẩm định kết quả của hội đồng kiểm định (Bùi Thị Thu Hương, 2008).

Có hai loại hình kiểm định chất lượng là kiểm định cơ sở giáo dục (kiểm định trường) và kiểm định chương trình đào tạo (khóa/ ngành đào tạo). Kiểm định trường tập trung xem xét, đánh giá toàn bộ hoạt động của một cơ sở giáo dục đại học dựa trên một bộ tiêu chuẩn kiểm định trường. Kiểm định chương trình đào tạo xem xét, đánh giá một phần của cơ sở giáo dục đại học liên quan trực tiếp đến một chương trình của một khóa/ngành đào tạo cụ thể của một trường và chú trọng vào các hoạt động chuyên môn. Bộ tiêu chuẩn kiểm định chương trình có thể được xây dựng và dùng chung cho các chương trình đào tạo hoặc được xây dựng cho một chương trình đào tạo cụ thể.

### 3.2. *Đánh giá chất lượng giáo dục*

Đánh giá chất lượng theo Woodhouse, là sự đánh giá mà kết quả được lượng hóa bằng điểm số (có thể biểu đạt dưới hình thức con số (ví dụ 1 đến 4), tỉ lệ phần trăm, chữ số (ví dụ A đến F) hoặc miêu tả (ví dụ xuất sắc, tốt, thỏa mãn, không thỏa mãn). Đánh giá chất lượng đưa ra giới hạn đỗ/trượt theo một phổ điểm (hoặc chỉ đơn giản là thang điểm 2 số). Theo Seameo Rihed (2012) thì đánh giá chất lượng phân tích kết quả đầu ra. Vì vậy, thường xem xét các dữ liệu chỉ số thực hiện thể hiện dưới hình thức định lượng. Kết quả của một đợt đánh giá chất lượng là giấy chứng nhận đạt mức đánh giá hoặc báo cáo đánh giá ngoài (Seameo Rihed, 2012).

Đánh giá chất lượng giáo dục cũng có 2 loại: đánh giá cơ sở giáo dục và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Đánh giá chất lượng được sử dụng khá phổ biến ở giáo dục đại học châu Âu, trong là đánh giá chương trình đào tạo phổ biến hơn, với khoảng 53% các tổ chức đảm bảo chất lượng; đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục được sử dụng ít hơn, chỉ chiếm

22%. Các nước sử dụng cách tiếp cận đánh giá phổ biến là Đan Mạch, Phần Lan và Vương quốc Anh (Seameo Rihed, 2012).

### 3.3. *Kiểm toán chất lượng giáo dục*

Kiểm toán chất lượng là một cách tiếp cận đảm bảo chất lượng khá đặc biệt. Không giống như kiểm định hoặc đánh giá tập trung vào xem xét chất lượng hoặc chỉ số thực hiện, kiểm toán chất lượng kiểm tra các cơ chế đảm bảo chất lượng.

Kiểm toán chất lượng tập trung vào việc xem xét quy trình mà cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo thực hiện để đảm bảo và nâng cao chất lượng; đánh giá tính hợp lý và sự triển khai của quy trình đảm bảo chất lượng. Kiểm toán chất lượng xem xét toàn hệ thống hoặc toàn bộ các quy trình để đạt được chất lượng, chứ không phải tập chung vào chất lượng. Vì vậy, hoạt động kiểm toán có thể được thực hiện bởi những kiểm toán viên không cần có chuyên môn liên quan trực tiếp đến lĩnh vực được kiểm toán. Họ chỉ tập trung vào trả lời các câu hỏi “làm thế nào?” hoặc “quy trình đảm bảo chất lượng có hiệu quả không?” Kết quả của một đợt kiểm toán là báo cáo kiểm toán (Phạm Lê Cường, 2016). Theo Woodhouse (1999) thì kiểm toán chất lượng xác minh 3 vấn đề sau: sự phù hợp của các quy trình đảm bảo chất lượng với những mục tiêu đề ra; sự tuân thủ các quy trình đảm bảo chất lượng đã được lập kế hoạch; sự hiệu quả của các hoạt động để đạt được những mục tiêu đề ra.

Thực ra cả ba mô hình đảm bảo chất lượng: kiểm định, đánh giá và kiểm toán đều hướng tới một mục đích là để đảm bảo và nâng cao chất lượng của một cơ sở giáo dục hoặc một chương trình đào tạo. Tuy nhiên, chúng có những khác biệt ở quy trình hoặc sản phẩm đầu ra.

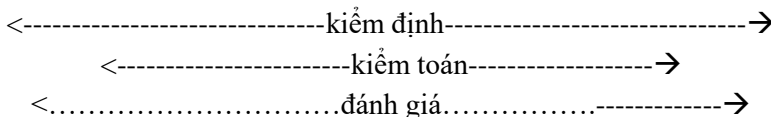
**Bảng 2.** So sánh kiểm định, đánh giá và kiểm toán

	<b>Kiểm định</b>	<b>Đánh giá</b>	<b>Kiểm toán</b>
Những đặc điểm chính	Tập trung đánh giá để công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn tối thiểu	Tập trung xem xét kết quả đầu ra	Tập trung xem xét quy trình
Kết quả	Công nhận đạt hoặc không đạt Giấy chứng nhận	Báo cáo đánh giá với mức đánh giá (ví dụ điểm số) Có thể có giấy chứng nhận	Báo cáo kiểm toán (tập trung vào mô tả và khuyến nghị)
Câu hỏi liên quan	Chất lượng có thực sự tốt không?	Kết quả đầu ra tốt như thế nào?	Quy trình đảm bảo chất lượng có hiệu quả không?

Ngoài ra, Woodhouse (1999) cho rằng trong 5 bước của đảm bảo chất lượng, bao gồm: 1) Mục tiêu thích hợp, 2) Kế hoạch hợp lí, 3) Hành động phù hợp, 4) Hành động hiệu quả, 5) Kết quả đo lường được, thì không một mô hình đảm bảo chất lượng nào đảm bảo bao quát

được tất cả các bước. Trong đó kiểm định bao quát được từ bước 1 đến bước 4, kiểm toán từ bước 2 đến bước 4, đánh giá trọng tâm vào bước 5 và có thể bao quát từ bước 2 đến bước 4 (Hình 1).

Mục tiêu thích hợp	Kế hoạch hợp lí	Hành động phù hợp	Hành động hiệu quả	Kết quả đo lường được
--------------------	-----------------	-------------------	--------------------	-----------------------



**Hình 1.** Kiểm định, kiểm toán, đánh giá trong quy trình 5 bước của đảm bảo chất lượng

Tuy nhiên, Woodhouse cũng cho rằng mặc dù 3 mô hình đảm bảo chất lượng có những đặc trưng khác nhau, nhưng chúng vẫn có những điểm chung, có thể phối hợp hoặc hòa nhập với nhau. Bất kì một nỗ lực nào để đưa ra một định nghĩa chính xác hoặc phân biệt tuyệt đối giữa ba mô hình này có thể càng gia tăng sự rắc rối, khó hiểu, bởi vì, hầu hết các thuật ngữ ở đây đều liên quan đến quy trình xem xét hoặc đánh giá (Phạm Lê Cường, 2016).

Tóm lại, kiểm định, đánh giá và kiểm toán là 3 mô hình đảm bảo chất lượng được sử dụng

phổ biến nhất trong các hệ thống giáo dục đại học trên thế giới hiện nay. Cả ba mô hình này đều hướng vào mục tiêu cùng cố và cải tiến chất lượng. Tuy nhiên, mỗi mô hình có những đặc điểm, quy trình và kết quả đầu ra khác nhau, với những thế mạnh và ưu điểm riêng, cũng như những hạn chế nhất định. Mặc dù có những khác biệt nhưng cả 3 mô hình đều có những điểm chung cơ bản trong đó quan trọng nhất là đảm bảo chất lượng giáo dục đại học là một hệ thống với những cấu thành cơ bản: Xác lập chuẩn chất lượng, hệ thống đảm bảo chất

lượng, các quy trình đảm bảo chất lượng, tiêu chí đánh giá và triển khai tự đánh giá, hình thành văn hóa chất lượng, phát triển đội ngũ làm công tác chuyên trách về đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường đại học. Vì vậy, hoạt động đảm bảo chất lượng của các trường đại học nói chung và các trường đại học nói riêng phải được định hướng theo những tiếp cận đó.

Việc triển khai thành công mỗi mô hình phụ thuộc vào nhiều yếu tố như bối cảnh quốc gia, văn hóa, hoặc sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học. Một mô hình có thể vận hành tốt ở quốc gia này, nhưng có thể sẽ không hiệu quả khi được triển khai ở quốc gia khác. Để áp dụng các mô hình đảm bảo chất lượng một cách hiệu quả, cần nghiên cứu kỹ mỗi mô hình và đặc điểm của quốc gia, của nền giáo dục và của từng loại hình cơ sở giáo dục.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Thu Hương (2008), "*Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đào tạo trong trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội theo cách tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể (TQM)*", Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Đại học Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Lan Phương (2015), "*Quản lý chất lượng đào tạo tại các trường đại học tư thục ở Thành phố Hồ Chí Minh theo quan điểm quản lý chất lượng tổng thể*", Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
3. Phạm Lê Cường (2016), Luận án tiến sĩ, "*Giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường/khoa đại học sư phạm*", Đại học Vinh, Nghệ An.
4. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), "*Luật Giáo dục đại học*."
5. Seameo Rihed (2012), "*A study on quality assurance models in Southeast Asian countries: towards a southeast Asian quality assurance framework*", Seameo Rihed, Bangkok.
6. Vlăsceanu, L., Grünberg, L., & Pârlea, D. (2007), "*Quality assurance and accreditation: a glossary of basic terms and definitions*", UNESCOPEPES, Bucharest.

## 4. KẾT LUẬN

Chất lượng đào tạo của trường đại học tư thục là sự đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng trong tất cả hoạt động của nhà trường nhằm đạt tới mục tiêu với chi phí tiết kiệm nhất. Trên thế giới và Việt Nam, các trường đại học tư thục đang áp dụng một trong ba mô hình đảm bảo chất lượng đào tạo, đó là: kiểm định, kiểm toán và đánh giá. Mỗi mô hình đều có ưu nhược điểm và các điều kiện áp dụng, phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Vì vậy, các nhà quản lý của các trường đại học tư thục cần xác định rõ trường mình phù hợp với mô hình đảm bảo chất lượng đào tạo nào để triển khai có hiệu quả cao nhất, nâng cao chất lượng đào tạo của bản thân trường đại học tư thục đó, tạo ra giá trị phát triển của toàn bộ các trường đại học tư thục, từ đó, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học.